TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 700/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 599/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Dương Thị Kim O, sinh năm 1983; CCCD: 049183008151. Địa chỉ: 8 P, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; CCCD: 033079004090; Địa chỉ: 8 P, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 245, quyển số 02 ngày 14/10/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) thì bà Dương Thị Kim O và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, do vấn đề kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc do cả hai không có chung định hướng về kinh tế và con cái nên khoảng cách tình cảm vợ chồng ngày càng lớn, khả năng hàn gắn là không có nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 14/10/2006. Do con đã thành niên và hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà O tự nguyện chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kim O và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Như Ý; sinh ngày 14/10/2006. Con đã thành niên.

1.3/ Về tài sản chung: Không có.

1.4/ Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Dương Thị Kim O tự nguyện chịu toàn bộ và được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do bà O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0030675 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- UBND xã Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk (để ghi vào sổ hộ tịch) theo Giấy chứng nhận kết hôn số X, quyển số X ngày X/X/200X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo